

# Biến động tỷ giá hối đoái và tác động đến các doanh nghiệp niêm yết

Phạm Huyền Trang, [trangph@ssi.com.vn](mailto:trangph@ssi.com.vn)

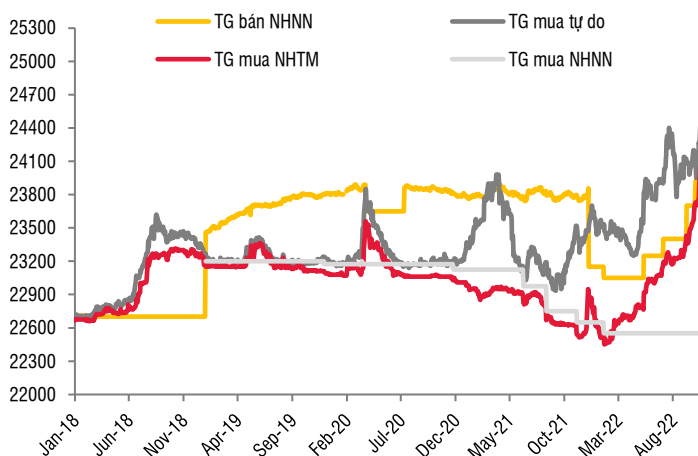
Thái Thị Việt Trinh, [trinhhtv@ssi.com.vn](mailto:trinhhtv@ssi.com.vn)

## Cập nhật diễn biến tỷ giá

Áp lực lên tỷ giá USD/VND tăng mạnh trong tháng 10/2022 và Ngân hàng Nhà nước (NHNN) liên tục có những biện pháp điều hành để ổn định thị trường ngoại hối. Vào ngày 17/10, NHNN đã thông báo quyết định điều chỉnh biên độ tỷ giá giao ngay USD/VND từ mức +/- 3% lên +/- 5%. Tiếp đó, giá bán USD giao ngay tại Sở GDNHNN được nâng lên 24.380 đồng, từ mức 23.925 đồng trước đó và tiếp tục tăng lên 24.870 đồng sau một tuần (24/10, tương đương mức tăng 7,4% so với cuối năm 2021). Bên cạnh đó, lãi suất điều hành cũng đã được NHNN điều chỉnh tăng thêm 100 điểm cơ bản lần thứ hai trong vòng hai tháng, với mục đích chính để giảm áp lực đối với tỷ giá, trong bối cảnh lạm phát vẫn trong tầm kiểm soát.

Đây là động thái điều chỉnh biên độ lần đầu tiên của NHNN sau gần 10 năm, cũng như là điều chỉnh giá bán tại Sở GDNHNN lần thứ tư liên tiếp trong vòng một tháng qua, nhằm phù hợp với biến động mạnh và liên tục gia tăng của tỷ giá USD/VND khi đồng USD liên tục tăng giá trên thị trường thế giới, và NHNN thực hiện các biện pháp hỗ trợ thanh khoản tiền Đồng sau sự kiện SCB. Tỷ giá bán tại các NHTM đã được điều chỉnh tăng khá mạnh sau khi nới biên độ giao dịch. Tuy nhiên, áp lực vẫn chưa thể hạ nhiệt sớm, và tỷ giá bán tại các NHTM vẫn được niêm yết quanh mức trần giao dịch mới, tương đương với việc VND đã mất giá gần 8,6% so với cuối năm 2021. Trong khi đó, trong tuần qua, tỷ giá giao dịch liên ngân hàng cũng nhanh chóng vượt mức giá bán tại Sở GD và NHNN tiếp tục nâng tỷ giá bán này lên mức 24.870 đồng/USD.

## Biểu đồ: Diễn biến tỷ giá USD/VND



Nguồn: NHNN, SSI

Việc nới biên độ lên 5% cho phép tỷ giá USD/VND niêm yết tại các NHTM được điều chỉnh linh hoạt hơn so với tỷ giá trung tâm. Trong ngắn hạn, điều chỉnh này là cần thiết khi tỷ giá sẽ vẫn còn chịu nhiều áp lực từ bên ngoài khi FED thực hiện tăng lãi suất trong tháng 11 và tháng 12, kết hợp với yếu tố nội tại, khi nguồn cung ngoại tệ sẽ gặp nhiều khó khăn trong Quý 4 (xuất khẩu yếu đi, kiều hối chậm lại).

Bên cạnh đó, yếu tố đáng lo ngại hơn là có thể xu hướng giảm giữ USD đã tăng lên đáng kể trong thời gian qua trong bối cảnh VND không thể đứng ngoài xu hướng đồng nội tệ mất giá đang lan rộng khắp Châu Á, nguyên nhân xuất phát từ các đợt tăng lãi suất liên tục của ED. Tuy nhiên, tới quý I/2023, khi đà tăng lãi suất của FED có thể sẽ chậm lại, hoặc dừng hẳn, trong khi dòng tiền vào Việt Nam thường có xu hướng tăng cao (NHNN thường mua được khá nhiều USD cho dự trữ ngoại hối vào quý I), thì khả năng tỷ giá USD/VND sẽ có thể quay về mức ổn định hơn.

Đối với áp lực trả nợ nước ngoài, việc tăng giá của USD so với VND đã được bù đắp bởi sự yếu đi tương đối của EUR và JPY so với VND, và nhờ vậy chúng tôi dự nợ nước ngoài thậm chí còn giảm 2,5% nhờ đóng góp từ tỷ giá. Báo cáo của Chính phủ gần đây cho thấy nợ nước ngoài của Việt Nam trong năm 2022 ở mức 40-41% GDP và tăng nhẹ lên 41-42% trong năm 2023, vẫn thấp hơn mức trần 50% đề ra.

	2021	2022	Thay đổi	Tỷ trọng	Đóng góp
USD	22.929	24.885	8,53%	41,50%	3,54%
JPY	203,3	171,2	-15,79%	31,50%	-4,97%
EUR	26.546	25.040	-5,67%	16,40%	-0,93%

Nguồn: SSI Research

## Tác động đến các doanh nghiệp niêm yết

Tính từ đầu năm cho đến nay, VND đã mất giá 8,6% và trước mắt, nhóm các doanh nghiệp sử dụng các khoản vay nước ngoài để tài trợ hoạt động sản xuất kinh doanh sẽ bị tác động mạnh nhất từ rủi ro tỷ giá.

Chúng tôi cập nhật danh sách các công ty niêm yết (trong phạm vi phân tích) có số dư các khoản vay bằng USD tương đối cao và đánh giá nhanh về rủi ro tỷ giá tới hoạt động của doanh nghiệp, cũng như một số doanh nghiệp có thể được hưởng lợi từ việc VND mất giá. Nhìn chung, các công ty đã có sự chủ động trong chuẩn bị cho rủi ro tỷ giá bằng việc tham gia các hợp đồng phái sinh (đặc biệt là các ngân hàng), tuy nhiên chúng tôi cho rằng một số công ty vẫn có thể bị ảnh hưởng bởi sự mất giá mạnh của VND.

STT	Mã cổ phiếu	Tác động của việc giảm giá VND và lãi suất tăng lên trong năm 2022 và thời gian tới
1	<b>HVN</b>	Dư nợ bằng USD tính đến cuối quý 2 đã đạt 22 nghìn tỷ đồng, nghĩa là nếu USD tăng giá 1% có thể dẫn đến lỗ tỷ giá 220 tỷ đồng. Công ty ghi nhận doanh thu bằng USD cho các tuyến quốc tế nên có thể hưởng lợi một phần từ việc USD tăng giá trong dài hạn.
2	<b>QTP</b>	Dư nợ bằng USD tính đến thời điểm cuối quý 2/2022 đạt 1,1 nghìn tỷ đồng (tương đương 49 triệu USD), chiếm 53% tổng dư nợ. Do đó, USD tăng giá có thể dẫn đến lỗ chênh lệch tỷ giá, nhưng nhà máy điện có thể yêu cầu EVN thanh toán khoản lỗ chênh lệch tỷ giá này, mặc dù thời gian thanh toán không chắc chắn. USD đã tăng 4,5% trong thời gian từ ngày 30 tháng 6 đến ngày 17/10/2022, dẫn đến khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ước tính sẽ ở mức 52 tỷ đồng (Trong 6 tháng đầu năm, QTP ghi nhận 27 tỷ đồng lỗ tỷ giá do USD tăng giá 2,2%).
3	<b>BSR</b>	Dư nợ bằng USD vào cuối quý 2/2022 ở mức 3 nghìn tỷ đồng. Việc VND giảm giá 1% so với USD có thể khiến LNTT năm 2022 giảm 1%.
4	<b>PLX</b>	Dư nợ bằng USD chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng dư nợ của công ty. Với 1% giảm giá của VND sẽ dẫn đến lỗ tỷ giá hồi đoái khoảng 50–70 tỷ đồng
5	<b>PGV</b>	Nợ bằng USD đạt 36,9 nghìn tỷ đồng (tương đương 1,57 tỷ USD), chiếm 87% tổng dư nợ. USD tăng giá có thể dẫn đến lỗ chênh lệch tỷ giá, nhưng nhà máy điện có thể yêu cầu EVN thanh toán khoản lỗ tỷ giá này, mặc dù thời gian thanh toán không chắc chắn. Với sự tăng giá của USD trong thời gian từ ngày 30 tháng 6 đến ngày 17/10/2022 là 4,5%, khoản

STT	Mã cổ phiếu	Tác động của việc giảm giá VND và lãi suất tăng lên trong năm 2022 và thời gian tới
		lỗ chênh lệch tỷ giá mà công ty phải gánh chịu ước tính ở mức 1,6 nghìn tỷ đồng (trong 6 tháng đầu năm, công ty ghi nhận 336 tỷ đồng lỗ tỷ giá do USD tăng giá 2,2%). Xét đến việc đồng JPY mất giá 4% trong thời gian từ tháng 6 đến tháng 10 năm 2022, đã mang lại mức lãi tỷ giá ước tính là 99 tỷ đồng. Nhìn chung, tác động từ thay đổi tỷ giá ước tính khoảng 1,5 nghìn tỷ đồng lỗ tỷ giá.
6	VIC	Tại thời điểm cuối quý 2/2022, VIC có 77,4 nghìn tỷ đồng dư nợ bằng USD (chiếm 49% tổng nợ của VIC). Mặc dù phần lớn các khoản nợ bằng USD đã được phòng ngừa biến động tỷ giá, chúng tôi cho rằng lợi nhuận năm 2022 của VIC sẽ bị ảnh hưởng bởi sự giảm giá của VND ở một mức độ nhất định. Bên cạnh đó, lãi suất cao hơn cũng có thể ảnh hưởng đến lợi nhuận của công ty do nợ ròng của tập đoàn tính đến cuối quý 2/2022 là 115 nghìn tỷ đồng.
7	POW	Dư nợ bằng USD ghi nhận con số 2,8 nghìn tỷ đồng (tương đương với 119 triệu USD), chiếm 32% tổng dư nợ. USD tăng giá có thể dẫn đến lỗ chênh lệch tỷ giá, nhưng nhà máy điện có thể yêu cầu EVN thanh toán khoản lỗ tỷ giá này, mặc dù thời gian thanh toán không chắc chắn. USD tăng giá 4,5% trong thời gian từ ngày 30/6 đến ngày 17/10/2022, đã mang lại khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ước tính ở mức 126 tỷ đồng (Trong 6 tháng đầu năm công ty ghi nhận 67 tỷ đồng lỗ tỷ giá do USD tăng giá 2,2%).
8	HND	Tổng dư nợ bằng USD đạt 1,5 nghìn tỷ đồng (tương đương 66 triệu USD). USD tăng giá có thể dẫn đến lỗ chênh lệch tỷ giá, nhưng nhà máy điện có thể yêu cầu EVN thanh toán khoản lỗ tỷ giá này, mặc dù thời gian thanh toán không chắc chắn. USD tăng giá 4,5% trong thời gian từ ngày 30/6 đến ngày 17/10/2022, đã mang lại khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ước tính ở mức 70 tỷ đồng (trong 6 tháng đầu năm công ty ghi nhận lỗ tỷ giá 34 tỷ đồng do USD tăng giá 2,2%).
9	PVD	Dư nợ bằng USD là 3,6 nghìn tỷ đồng với lãi suất bằng lãi suất LIBOR thả nổi + biên độ lãi suất. Như vậy USD tăng giá 1% sẽ dẫn đến lỗ tỷ giá 36 tỷ đồng, trong khi LIBOR tăng 1% cũng đồng nghĩa với việc lãi vay tăng 36 tỷ đồng. Tuy nhiên, doanh thu của mảng dàn khoan của PVD ghi nhận bằng USD nên có thể giúp phòng ngừa rủi ro một phần nợ bằng USD trong dài hạn.
10	HPG	Việc USD tăng giá 1% so với VND sẽ dẫn đến khoản lỗ chênh lệch tỷ giá khoảng 500 tỷ đồng, tương đương khoảng 2,5% lợi nhuận sau thuế năm 2022. Bên cạnh đó, lãi suất tăng sẽ tác động tiêu cực đến HPG do dư nợ hiện tại là 25,2 nghìn tỷ đồng tính đến cuối quý 2/2022.
11	MSN	Công ty nhập khẩu một số nguyên liệu bằng USD nhưng doanh thu ghi nhận bằng USD giúp hạn chế ảnh hưởng của tỉ giá. Trong khi đó, dư nợ bằng USD đạt 315 triệu USD tại tính đến quý 2/2022. Nhìn chung, tác động của việc USD tăng giá là không lớn nhưng lãi suất tăng sẽ gây thêm áp lực lên lợi nhuận của tập đoàn do nợ ròng ở mức 46,5 nghìn tỷ đồng tính đến cuối quý 2/2022.
12	VGT	VGT có dư nợ bằng USD ở mức cao (7,5 nghìn tỷ đồng tính đến nửa đầu năm 2022), nhưng vẫn giữ được tỷ lệ nợ ròng trên VCSH ở mức an toàn là 0,44.
13	DGW	DGW đặt trước các đơn hàng bằng USD, do đó, sự tăng giá bất ngờ của USD sẽ ảnh hưởng đến tỷ suất lợi nhuận của DGW trong một quý. Trong các quý tiếp theo, DGW sẽ đàm phán lại với các nhà sản xuất để chia sẻ chi phí liên quan đến việc đồng USD tăng giá.
14	NVL	Dư nợ bằng USD xấp xỉ 580 triệu USD (chiếm 20% tổng nợ). Chúng tôi dự tính việc VND giảm 6~6,5% trong năm nay có thể ảnh hưởng tiêu cực đến LNTT của công ty, cụ thể làm giảm 8~9% LNTT. NVL cũng tham gia vào các giao dịch phái sinh tiền tệ để phòng ngừa rủi ro, nhưng con số chính xác rất khó để định lượng.
15	PVT	Dư nợ bằng USD là 1,9 nghìn tỷ đồng tính đến cuối quý 2/2022, với lãi suất thả nổi dựa trên lãi suất LIBOR, vì vậy lãi suất tăng và đồng USD tăng giá có thể dẫn đến chi phí lãi vay cao hơn và lỗ tỷ giá. Tuy nhiên, khoảng 75% đội tàu chở dầu của công ty được thuê trên thị trường quốc tế, vì vậy PVT có doanh thu tính bằng USD, và khoản doanh thu này có thể phòng ngừa một phần rủi ro về tỷ giá.
16	PLC	Công ty nhập khẩu nguyên vật liệu (chiếm khoảng 60% giá thành sản xuất) bằng USD trong khi doanh thu chủ yếu bằng VND. Vì vậy công ty chịu tác động tiêu cực từ biến động tỷ giá USD/VND và lãi suất tăng.

STT	Mã cổ phiếu	Tác động của việc giảm giá VND và lãi suất tăng lên trong năm 2022 và thời gian tới
17	VGI	Lượng tiền mặt ròng là 7,1 nghìn tỷ đồng có thể giúp VGI tránh khỏi việc tăng lãi suất cho vay và biến động tỷ giá. Dư nợ bằng USD ghi nhận ở mức 7,9 nghìn tỷ đồng (khoảng 337 triệu USD), chiếm 90% tổng dư nợ, trong khi Công ty nhận được doanh thu chủ yếu bằng USD. Tóm lại, trong 6 tháng đầu năm, công ty đã ghi nhận mức lãi thuần từ tỷ giá hối đoái là 246 tỷ đồng do USD tăng giá 2,2%.
18	ACV	Khoản nợ bằng đồng JPY là 12 nghìn tỷ đồng với lãi suất cố định, trong khi tất cả doanh thu từ hành khách quốc tế của công ty được tính bằng USD, do đó, công ty có thể được hưởng lợi từ việc USD tăng giá. Hơn nữa, vị thế tiền mặt là 33 nghìn tỷ đồng sẽ mang lại lợi thế cho công ty trong môi trường lãi suất tăng.
19	GAS	Dư nợ bằng USD được công bố ở mức 3,65 nghìn tỷ đồng vào cuối quý 2/2022 trong khi doanh thu và phần lớn giá vốn hàng bán ghi nhận bằng USD. Do đó, khoản lỗ tỷ giá ròng là không đáng kể. Trong khi đó, với lượng tiền mặt ròng 28,45 nghìn tỷ đồng, công ty có thể hưởng lợi từ việc tăng lãi suất.
20	VHC	VHC hưởng lợi từ việc USD tăng giá do doanh thu sang Mỹ chiếm hơn 40% tổng doanh thu của công ty. Dư nợ bằng USD của công ty không đáng kể.
21	FPT	Tính đến quý 2/2022, lượng tiền mặt ròng đạt 4,9 nghìn tỷ đồng có thể giúp FPT hạn chế được rủi ro từ việc tăng lãi suất cho vay và biến động tỷ giá. Nhìn chung, tác động của lãi suất cao hơn và tiền đồng mất giá đối với FPT là không đáng kể. <b>Đối với các khoản nợ bằng USD:</b> dư nợ khoảng 381 triệu USD (chiếm 40% tổng dư nợ của FPT) được phòng ngừa rủi ro toàn bộ bằng các hợp đồng tương lai. Công ty cũng ghi nhận doanh thu bằng USD ở mức khoảng 158 triệu USD (tương đương 41% dư nợ bằng USD), giúp bù đắp một phần tác động giảm giá của VND. <b>Đối với biến động của JPY:</b> Công ty ghi nhận khoảng 15,6 tỷ Yên doanh thu và 20 tỷ Yên dư nợ. Với sự giảm giá của JPY, tác động lên doanh thu tính bằng JPY có thể được bù đắp.
22	MSH	Công ty được hưởng lợi từ việc USD tăng giá do doanh thu chủ yếu ghi nhận bằng USD trong khi giao dịch mua nguyên liệu thô của công ty được tính bằng Nhân dân tệ. Công ty cũng có dư nợ bằng USD (khoảng 1 nghìn tỷ đồng tính đến 6 tháng đầu năm 2022) nhưng tỷ lệ nợ ròng trên VCSH tương đối an toàn ở mức 0,37.
23	IDC	IDC hiện có khoảng 500 ha đất khu công nghiệp cho thuê. Chúng tôi ước tính các hợp đồng thuê mới sẽ được báo giá theo tỷ giá USD/VND mới, làm cơ sở tính toán giá thuê. Do đó, tỷ giá tăng sẽ làm tăng giá thuê khi quy đổi sang VND, trong khi các chi phí chính như bồi thường giải phóng mặt bằng, xây dựng được trả bằng VND.
24	BCM	BCM hiện có khoảng 408 ha đất khu công nghiệp cho thuê. Chúng tôi ước tính các hợp đồng thuê mới sẽ được báo giá theo tỷ giá USD/VND làm cơ sở tính toán giá thuê. Do đó, tỷ giá tăng sẽ làm tăng giá thuê khi quy đổi sang VND, trong khi các chi phí chính như bồi thường giải phóng mặt bằng, xây dựng được trả bằng VND.
25	KBC	Việc USD tăng giá trong năm nay có thể không ảnh hưởng đáng kể đến doanh thu năm 2022 của KBC, do doanh thu năm 2022 của KBC chủ yếu dựa vào việc giao đất từ các giao dịch đã kí kết trước đây với tỷ giá hối đoái cố định từ năm ngoái. Tuy nhiên, hợp đồng cho thuê mới của công ty có thể được cố định với tỷ giá USD/VND mới, vì giá thuê đất khu công nghiệp của KBC thường được tính bằng USD, điều này có khả năng thúc đẩy doanh thu trong tương lai. Trong khi đó, các chi phí chính của công ty (chi phí giải phóng mặt bằng, chi phí xây dựng và lãi vay) được tính bằng VND. Tại thời điểm cuối quý 2/2022, KBC không có nợ USD với hệ số đòn bẩy là 0,4 lần.
26	VNM	Công ty nhập khẩu nguyên liệu bằng USD nhưng cũng thu được doanh thu xuất khẩu bằng USD. Dư nợ bằng USD là gần 400 triệu USD vào cuối quý 2/2022 nhưng công ty dẫn dắt hạn các khoản vay ngắn hạn này để giảm áp lực tỷ giá. Nhìn chung, tác động của việc USD tăng giá là tiêu cực nhẹ, nhưng VNM được hưởng lợi từ lãi suất cao hơn do VNM có số dư tiền mặt ròng là 13,4 nghìn tỷ đồng tính đến quý 2/2022.

## CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

## KHUYẾN NGHỊ

**Mua:** Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

**Khả quan:** Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

**Trung lập:** Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

**Kém khả quan:** Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

**Bán:** Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

## TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/ hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Tài liệu này chỉ được lưu hành nội bộ và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

## THÔNG TIN LIÊN HỆ

### Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

#### Hoàng Việt Phương

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư  
phuonghv@ssi.com.vn  
SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8729

### Vĩ mô

#### Phạm Lưu Hưng

Phó Giám đốc  
hungpl@ssi.com.vn  
SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711

#### Thái Thị Việt Trinh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô  
trinhttv@ssi.com.vn  
SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8720

### Phân tích cổ phiếu KHCN

#### Ngô Thị Kim Thanh

Chuyên viên phân tích cao cấp  
thanhtk@ssi.com.vn  
SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3053

#### Lê Huyền Trang

Chuyên viên phân tích cao cấp  
tranglh@ssi.com.vn  
SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8717

### Chiến lược thị trường

#### Nguyễn Trọng Đình Tâm

Phó Giám đốc Chiến lược Đầu tư  
tamntd@ssi.com.vn  
SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8713

#### Nguyễn Lý Thu Nga

Chuyên viên phân tích cao cấp  
nganlt@ssi.com.vn  
SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3051

### Dữ liệu

#### Nguyễn Thị Kim Tân

Chuyên viên hỗ trợ  
tanntk@ssi.com.vn  
Tel: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8715